

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIX

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát tu hành kinh điển Đại Niết-bàn như vậy thì được mười việc công đức, chẳng thể nghĩ bàn mà hàng Thanh văn, Phật-bích-chi chẳng có, người nghe kinh ngạc. Công đức này chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải khó, chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, chẳng phải là pháp thế gian, không có tướng mạo, thế gian không có. Những gì là mười:

Công đức thứ nhất có năm. Những gì là năm? Một là điều chẳng nghe mà có thể được nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích, ba là có thể đoạn dứt tâm nghi hoặc, bốn là tâm tuệ chính trực không quanh co, năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai. Đó là năm. Những gì chẳng nghe mà có thể được nghe? Đó là tạng bí mật vi diệu sâu xa, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, pháp Phật, chúng Tăng không có sai biệt, tánh tướng Tam bảo thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả các Đức Phật không có rớt ráo vào Niết-bàn mà thường trụ bất biến, Như Lai Niết-bàn chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc; chẳng phải danh, chẳng phải chẳng danh; chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng tướng; chẳng phải có, chẳng phải chẳng có; chẳng phải vật, chẳng phải chẳng vật; chẳng phải nhân, chẳng phải quả; chẳng phải đợ, chẳng phải chẳng

đợi; chẳng phải sáng, chẳng phải tối; chẳng phải xuất, chẳng phải chẳng xuất; chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường; chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng đoạn; chẳng phải thủ, chẳng phải chung; chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai; chẳng phải ấm, chẳng phải chẳng ấm; chẳng phải nhập, chẳng phải chẳng nhập; chẳng phải giới, chẳng phải chẳng giới; chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải chẳng mười hai nhân duyên. Những pháp vi diệu sâu xa như vậy v.v... xưa chẳng được nghe mà nay mới có thể được nghe. Lại có cái chẳng được nghe như là kinh sách của tất cả ngoại đạo, bốn luận Tỳ-đà, luận Tỳ-già-la, luận Vệ-thế-sư, luận Ca-tỳ-la, tất cả chú thuật, phương thuốc trị bệnh, kỹ nghệ, nhật nguyệt thực, tinh tú vận chuyển, đồ thư, sách ký v.v... Những kinh như vậy ban đầu chưa từng nghe ý nghĩa bí mật, hôm nay đối với kinh này mới được biết. Lại có mười một bộ loại kinh, trừ bộ Tỳ-phật-lược, cũng không có nghĩa vi diệu sâu xa như vậy, nay nhân kinh này mà được biết. Nay thiện nam! Đó gọi là chẳng nghe mà có thể được nghe. Nghe rồi lợi ích là, nếu có thể nghe thọ kinh Đại Niết-bàn thì đều có thể biết đủ nghĩa vi diệu sâu xa của tất cả kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ví như trai gái ở trước tấm gương sáng sạch nhìn thấy hình dáng của họ tỏ rõ phân minh. Gương Đại Niết-bàn cũng như vậy, Bồ-tát cầm lấy đều được thấy rõ ý nghĩa vi diệu sâu xa của kinh điển Đại thừa. Cũng như có người ở trong nhà tối, cầm đuốc lửa sáng thấy hết mọi vật, đuốc Đại Niết-bàn cũng như vậy. Bồ-tát cầm đuốc ấy thì được thấy nghĩa thâm diệu của Đại thừa. Cũng như mặt trời mọc có hàng ngàn ánh sáng đều có thể soi rõ những núi u tối, khiến cho tất cả mọi người từ xa nhìn thấy mọi vật. Mặt trời trí tuệ thanh tịnh Đại Niết-bàn này cũng như vậy, soi rõ chỗ thâm diệu của Đại thừa, khiến cho người Nhị thừa từ xa thấy Phật đạo. Vì sao? Vì có thể nghe thọ kinh vi diệu Đại Niết-bàn này. Nay thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát nghe thọ kinh điển Đại Niết-bàn như vậy thì được biết danh tự của tất cả các pháp. Nếu họ có thể ghi chép, đọc tụng thông lợi, vì người khác diễn nói rộng rãi, suy nghĩ ý nghĩa kinh ấy thì biết nghĩa lý của tất cả các pháp. Nay thiện nam! Người nghe thọ kinh ấy chỉ biết danh tự, chẳng biết nghĩa lý kinh ấy mà nếu có thể ghi chép,

thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì có thể biết được nghĩa lý. Lại nữa, này thiện nam! Người nghe kinh này, nghe có Phật tánh, chưa có thể được thấy, nếu ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa kinh ấy thì được thấy Phật tánh. Người nghe kinh này, nghe có danh từ bố thí chưa thể thấy Bố thí Ba-la-mật, nếu ghi chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì có thể thấy Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát, nếu có thể nghe kinh điển Đại Niết-bàn này thì biết pháp, biết nghĩa, đầy đủ hai vô ngại. Các vị Bồ-tát này đối với các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... hoặc trời, ma, phạm trong tất cả đời không sợ hãi, khai thị, phân biệt Mười hai bộ loại kinh văn, diễn nói nghĩa những kinh ấy không có sai trái. Các vị ấy chẳng theo nghe người khác mà có thể tự biết gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đó gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích. Đoạn tâm nghi là, nghi có hai thứ, một là nghi danh, hai là nghi nghĩa. Người nghe kinh này đoạn dứt được tâm nghi danh, người suy nghĩ về nghĩa thì đoạn được tâm nghi về nghĩa. Lại nữa, này thiện nam! Nghi có năm thứ, một là nghi Phật có nhất định Niết-bàn không. Hai là nghi Phật có thường trụ không. Ba là nghi Phật có chân lạc không. Bốn là nghi Phật có chân tịnh không. Năm là nghi Phật có thật ngã không. Người nghe kinh này rồi thì việc nghi Phật Niết-bàn được đoạn dứt vĩnh viễn. Nếu ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì bốn nghi còn lại cũng đoạn dứt vĩnh viễn. Lại nữa, này thiện nam! Nghi có ba thứ, một là nghi Thanh văn là có hay là không. Hai là nghi Duyên giác là có hay là không. Ba là nghi Phật thừa là có hay là không. Người nghe kinh này thì ba nghi như vậy trừ diệt vĩnh viễn. Nếu người ấy ghi chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì có thể rõ biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh chẳng nghe kinh điển Đại Niết-bàn như vậy thì tâm nghi rất nhiều. Như là hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay chẳng lạc, hoặc tịnh hay chẳng tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay chẳng phải mạng, hoặc chúng sinh hay chẳng phải chúng sinh, hoặc rốt ráo hay chẳng rốt

ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ hay chẳng phải khổ, hoặc tập hay chẳng phải tập, hoặc đạo hay chẳng phải đạo, hoặc diệt hay chẳng phải diệt, hoặc pháp hay chẳng phải pháp, hoặc thiện hay chẳng phải thiện, hoặc không hay chẳng phải không... người nghe kinh này thì các nghi như vậy đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có người chẳng nghe kinh như vậy thì lại có đủ thứ tâm nghi. Như sắc là ngã chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã chẳng? Mắt có thể thấy chẳng? Ngã có thể thấy chẳng? Cho đến thức có thể biết chẳng? Ngã có thể biết chẳng? Sắc thọ báo chẳng? Ngã thọ báo chẳng? Cho đến thức thọ báo chẳng? Ngã thọ báo chẳng? Sắc đến đời khác chẳng? Ngã đến đời khác chẳng? Cho đến thức cũng như vậy. Pháp sinh tử có đầu có cuối chẳng? Không đầu không cuối chẳng? Người nghe kinh này thì những nghi như vậy cũng được trừ diệt vĩnh viễn. Lại có người nghi Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm làm tội ngũ nghịch, bài báng kinh Phương Đẳng v.v... những hạng như vậy có Phật tánh chẳng? Không có Phật tánh chẳng? Người nghe kinh này thì những nghi như vậy đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Lại có người nghi, thế gian hữu biên chẳng? Thế gian vô biên chẳng? Có thế giới mười phương chẳng? Không có thế giới mười phương chẳng? Người nghe kinh này thì những nghi như vậy cũng được đoạn trừ vĩnh viễn. Đó gọi là có thể đoạn trừ tâm nghi hoặc. Tuệ tâm chính trực không tà vạy quanh co là, nếu tâm có nghi hoặc thì sở kiến chẳng chính trực. Tất cả phàm phu nếu chẳng được nghe kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thì sở kiến tà vạy quanh co, thậm chí sở kiến của người Thanh văn, Phật-bích-chi cũng quanh co. Sao gọi là sở kiến của tất cả phàm phu là tà vạy quanh co? Ở trong hữu lậu thấy thường, lạc, ngã, tịnh; đối với Như Lai thấy vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã; thấy có chúng sinh, thọ mạng, tri kiến; chấp cội phi hữu tướng phi vô tướng cho là Niết-bàn; thấy trời Tự Tại có tám thánh đạo, hữu kiến, đoạn kiến... những sự thấy như vậy gọi là tà vạy, quanh co. Đại Bồ-tát nếu được nghe kinh điển Đại Niết-bàn này, tu hành hạnh thánh thì đoạn trừ những tà vạy quanh co như vậy. Sao gọi là cái thấy tà vạy quanh co của Thanh văn, Duyên giác? Thấy Bồ-tát từ cội Đâu-suất hóa thân

xuống, cỡi voi trắng, giáng thần vào thai mẹ. Cha tên là Tịnh Phạm, mẹ tên là Ma-da, ở tại thành Ca-tỳ-la. Ở trong thai đầy đủ mười tháng sinh ra, sinh ra chưa đến đất thì Đế Thích đã tiếp bông, vua rồng Nan-đà và Bà-nan-đà phun nước tắm Bồ-tát, vua quỷ thần lớn Ma-ni-bạt-đà cầm lọng báu theo sau đứng hầu, thần đất hóa ra hoa sen để đỡ chân, bốn phương đều đi đầy đủ bảy bước. Đến miếu thờ trời khiến cho tượng chư Thiên đều đứng dậy nghinh đón. Tiên A-tư-đà ẵm để xem tướng. Xem tướng xong, ông rất buồn khổ, tự thương mình sẽ mạng chung chẳng nhìn thấy Phật. Đến thầy học văn chương, toán số, bắn cung, cỡi ngựa, vẽ tranh, sấm ký, kỹ nghệ. Ở tại thâm cung với sáu vạn thể nữ vui sướng hưởng lạc. Ra thành du ngoạn, đến vườn Ca-tỳ-la, trên đường thấy người già cho đến vị Samôn mặc pháp phục mà đi. Trở về đến trong cung, thấy các thể nữ, hình thể dung mạo giống như xương khô, cung điện như mồ mả không khác, nhàm chán xuất gia, nửa đêm vượt thành, đến chỗ các vị đại tiên Uất-đà-già, A-la-la v.v... nghe nói Thức xứ và Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Đã nghe vậy rồi quan sát kỹ thấy xứ này là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Bỏ đi đến dưới cây, tu đủ hạnh khổ đầy đủ sáu năm, biết khổ hạnh này chẳng thể thành được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, Bồ-tát lại đến trong dòng sông A-di-la-bạt tắm gội, thọ sự dâng cúng cháo sữa của người con gái chăn bò, thọ dụng rồi đi đến nơi cây Bồ-đề, phá ma Ba-tuần, được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở thành Ba-la-nại vì năm vị Tỳ-kheo lần đầu tiên chuyển bánh xe pháp cho đến ở thành Câu-thi-na này vào Bát-niết-bàn. Thấy những việc như vậy thì đó gọi là sự thấy quanh co của Thanh văn, Duyên giác. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát nghe thọ kinh Đại Niết-bàn này thì đều được đoạn trừ những cái thấy như vậy. Nếu có thể ghi chép, đọc tụng thông lợi, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì được cái thấy chính trực không tà vạy quanh co. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy thì chắc chắn biết là Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay chẳng từ cỡi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ cho đến vào Bát-niết-bàn ở thành Câu-thi-na. Đó gọi là cái thấy chính trực của Đại Bồ-tát. Có thể biết nghĩa thâm diệu của Như Lai là, đó tức là

Đại Bát Niết Bàn, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, sám hối bốn trọng cấm, dứt trừ tâm bài báng pháp, hết tội ngũ nghịch, diệt Nhất-xiển-đề, rồi sau đó được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là nghĩa bí mật thâm diệu. Lại nữa, Này thiện nam! Sao lại gọi là nghĩa thâm diệu? Tuy biết chúng sinh thật không có ngã nhưng ở đời vị lai chẳng mất nghiệp quả. Tuy biết năm ấm đến đây diệt hết nhưng nghiệp thiện ác nhất định chẳng hết. Tuy có các nghiệp nhưng chẳng nắm bắt được tác giả. Tuy có chỗ đến nhưng không có người đi. Tuy có trói buộc nhưng không người chịu trói. Tuy có Niết-bàn nhưng cũng không người tịch diệt. Đó gọi là nghĩa bí mật thâm diệu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu, nghĩa nghe và chẳng nghe mà Phật đã nói thì nghĩa này chẳng vậy. Vì sao? Vì pháp, nếu có thì phải nhất định có. Pháp, nếu không thì phải nhất định không. Không chẳng nên sinh ra, có chẳng nên diệt đi. Như người nghe tức là nghe, nếu người chẳng nghe tức là chẳng nghe. Vì sao mà nói rằng, nghe điều chẳng nghe? Thưa Thế Tôn! Nếu chẳng thể nghe thì đó là chẳng nghe. Nếu đã nghe thì lại cũng chẳng nghe. Vì sao? Vì đã được nghe thì sao mà nói rằng, nghe điều chẳng nghe. Ví như người đi đã đến thì chẳng còn đi, mà còn đi thì chẳng đến. Cũng như sinh ra rồi thì chẳng còn sinh, chẳng còn sinh thì chẳng sinh. Được rồi thì chẳng còn được, mà chẳng được thì chẳng được. Nghe rồi thì chẳng còn nghe, mà chẳng nghe thì chẳng nghe cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng nghe mà nghe thì tất cả chúng sinh chưa có Bồ-đề tức là có Bồ-đề, chưa được Niết-bàn tức là được Niết-bàn, chưa thấy Phật tánh tức là thấy Phật tánh, vì sao lại nói rằng, Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng? Bạch Thế Tôn! Nếu người chẳng nghe mà nghe thì Như Lai thuở xưa theo ai được nghe? Nếu nói được nghe thì vì sao Như Lai, ở trong kinh A-hàm lại nói rằng, vô sư? Nếu chẳng nghe thì chẳng nghe mà Như Lai được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh chẳng nghe thì chẳng nghe cũng phải được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Thưa Thế Tôn! Nếu Thế Tôn chẳng nghe kinh Đại Niết-bàn này mà thấy Phật tánh thì tất cả chúng sinh chẳng nghe kinh này cũng phải được thấy. Bạch Thế Tôn! Phàm là sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thể thấy. Thanh cũng như thế, hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thể thấy. Đại Niết-bàn này chẳng phải sắc, chẳng phải thanh thì sao nói rằng có thể được thấy nghe? Thưa Thế Tôn! Quá khứ đã diệt thì chẳng thể nghe, vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe và hiện tại khi nghe thì chẳng gọi là nghe, khi nghe rồi thanh diệt lại chẳng thể nghe. Kinh điển Đại Niết-bàn này cũng chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai, mà nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể nói. Nếu chẳng thể nói thì chẳng thể nghe thì sao mà nói rằng, Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn này nghe điều chẳng nghe.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông nay giỏi biết tất cả các pháp như huyễn, như bóng nước, như thành của Càn-thát-bà, như dấu vẽ trong nước, như bong bóng nước, như cây chuối v.v... rỗng không không có thật, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, đúng như sự thấy biết của Bồ-tát Thập Trụ.

Khi ấy, trong đại chúng bỗng nhiên phút chốc có ánh sáng lớn, chẳng phải xanh thấy xanh, chẳng phải vàng thấy vàng, chẳng phải đỏ thấy đỏ, chẳng phải trắng thấy trắng, chẳng phải sắc thấy sắc, chẳng phải sáng thấy sáng, chẳng phải thấy mà thấy. Bấy giờ, đại chúng gặp ánh sáng ấy rồi thì thân tâm diệu lạc, ví như Tỳ-kheo vào định Sư tử vương. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ánh sáng này do ai phóng ra?

Khi ấy, Đức Như Lai mặc nhiên chẳng nói. Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này soi đến đại chúng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lặng thinh chẳng đáp. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ-tát Ca-diếp:

–Hôm nay ánh sáng này là của ai?

Bồ-tát Ca-diếp lặng thinh chẳng nói. Bồ-tát Tịnh Trụ Vương

Tử lại hỏi Bồ-tát Vô Biên Thân:

–Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Bồ-tát Vô Biên Thân lặng thinh chẳng nói. Cứ như vậy, năm trăm vị Bồ-tát đều cũng hỏi như vậy. Tuy các vị hỏi nhau nhưng không có người trả lời. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thưa Thế Tôn! Ánh sáng như vậy gọi là trí tuệ. Trí tuệ tức là thường trụ, mà pháp thường trụ là không có nhân duyên thì vì sao Phật hỏi, vì nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này gọi là Đại Niết-bàn, mà Đại Niết-bàn thì gọi là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Phật hỏi rằng, vì nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này tức là Như Lai, mà Như Lai tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Ánh sáng này gọi là đại từ đại bi, mà đại từ đại bi thì gọi là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Ánh sáng này tức là niệm Phật, mà niệm Phật tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Ánh sáng này tức là đạo Bất cộng của tất cả Thanh văn, Duyên giác, mà đạo Bất cộng của Thanh văn, Duyên giác tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Thế Tôn cũng có nhân duyên. Nhân diệt vô minh thì ngọn đèn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được cháy sáng.

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay ông chớ vào đệ nhất nghĩa để thâm diệu của các pháp. Ông nên dùng thế đế mà giảng nói điều đó.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thưa Thế Tôn! Ở phương Đông này, qua khỏi số thế giới nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng, có thế giới Phật tên là Bất Động, trụ xứ của Đức Phật ấy ngang dọc bằng nhau, đầy đủ một vạn hai ngàn do-tuần. Đất nơi ấy bằng bảy thứ báu, không có đất đá,

bằng phẳng mềm mại, không có các ngòi rãnh, hầm hố. Những cây cối của cõi ấy do bốn thứ báu tạo thành là vàng, bạc, lưu ly và pha lê, hoa trái sum suê, không lúc nào chẳng có. Nếu có chúng sinh nghe mùi hương hoa ấy thì thân tâm an lạc, ví như Tỳ-kheo vào thiền thứ ba. Chung quanh cõi ấy lại có ba ngàn dòng sông lớn, nước sông đầy đủ tám vị vi diệu. Nếu có chúng sinh nào tắm gội ở trong nước ấy thì được niềm hỷ lạc, ví như Tỳ-kheo vào thiền thứ hai. Những dòng sông ấy có đủ những loài hoa như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa hương, hoa đại hương, hoa diêu hương, hoa thường, hoa tất cả chúng sinh không chăm sóc. Hai bên bờ sông cũng có nhiều loài hoa, như là hoa a-đề-mục-đa-dà, hoa chiêm-bà, hoa ba-tra-la, hoa bà-sư-la, hoa ma-lợi-ca, hoa đại-ma-lợi-ca, hoa tân-ma-lợi-ca, hoa tu-ma-na, hoa do-đề-ca, hoa đàn-miễn-ca-lợi, hoa thường, hoa tất cả chúng sinh không chăm sóc. Đáy sông trải cát vàng, có bốn bậc bệ bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê đủ màu. Có nhiều loài chim tập hợp bơi dạo trong những dòng sông ấy. Lại có vô lượng cọp, sói, sư tử v.v... những loài chim, thú dữ xem nhau giống như con đò. Trong thế giới đó, tất cả không có kẻ phạm bốn trọng cấm, bài báng chánh pháp và Nhất-xiển-đề, tội ngũ nghịch v.v... Cõi ấy điều hòa thích hợp, không có lạnh nóng, đói khát, khổ não, không có tham dục, sân hận, phóng dật, ganh ghét, không có mặt trời, mặt trăng, ngày đêm, thời tiết, giống như trên cõi trời thứ hai là Đao-lợi. Dân chúng cõi ấy đều có ánh sáng, không ai có tâm kiêu mạn, tất cả đều là bậc Đại sĩ Bồ-tát, đều được thần thông, đầy đủ công đức lớn. Tâm họ đều tôn trọng chánh pháp, theo về Đại thừa, ái niệm Đại thừa, ham thích Đại thừa, hộ trì Đại thừa, thành tựu đại tuệ, được đại tổng trì, thường thương xót tất cả chúng sinh. Đức Phật của thế giới ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, tùy theo chỗ ở mà thuyết giảng. Chúng sinh của cõi ấy không ai mà chẳng được nghe. Đức Phật ấy vì Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang tuyên giảng kinh Đại Niết-bàn, nói: “Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn thì điều chẳng nghe đều được nghe hết”. Đại Bồ-tát

Lưu Ly Quang đó hỏi Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng đúng như lời hỏi của Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương ở cõi này không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh kia liền bảo Bồ-tát Lưu Ly Quang: “Này thiện nam! Phương Tây cách đây hai mươi lần cát sông Hằng cõi Phật, ở đó có thế giới tên là Ta-bà. Cõi ấy có nhiều núi đồi, gò đồng, đất cát, sỏi đá, gai góc bén nhọn v.v... tràn đầy cùng khắp, thường có đói khát, lạnh nóng, khổ não. Muôn dân cõi ấy chẳng cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, sư trưởng. Họ tham đắm phi pháp, muốn ở trong phi pháp, tu hành tà pháp, chẳng tin chánh pháp, có thọ mạng ngắn ngủi, có hành động gian trá. Vua trừng trị họ. Vua tuy có nước, nhưng chẳng biết thỏa mãn, đối với vật sở hữu của người khác sinh lòng tham lợi, dấy binh chinh phạt nhau, kẻ chết oan uổng là dân chúng. Vua thì làm việc phi pháp như vậy, nên thiện thần của Tứ Thiên Vương lòng không hoan hỷ nên giáng xuống tai họa, hạn hán, ngũ cốc chẳng mọc, dân chúng nhiều bệnh, khổ não không lường. Trong cõi đó có Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đại bi thuần hậu, thương xót chúng sinh, Đức Phật ấy đang ở rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na vì các đại chúng phô diễn kinh Đại Niết-bàn như vậy. Ở đó có vị Bồ-tát tên Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đã hỏi việc ấy như ông không khác. Đức Phật hôm nay đang giải đáp vấn đề đó. Ông hãy mau chóng đi đến thì tự sẽ được nghe”. Bồ-tát Lưu Ly Quang kia nghe việc đó rồi, cùng với tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát muốn đến cõi này, nên trước hết hiện những điềm lành. Do nhân duyên đó nên có ánh sáng này. Đó gọi là nhân duyên, cũng chẳng phải là nhân duyên. Bấy giờ, Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với tám vạn bốn ngàn các Bồ-tát đều mang những cờ, lọng, hương hoa, chuỗi ngọc, đủ thứ kỹ nhạc gấp bội hơn những người trước, cùng đi đến rừng Ta-la song thọ ở Câu-thi-na, mang theo phẩm vật cúng dường của mình mà cúng dường Đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Ngài, chấp tay cung kính, đi quanh bên phải ba vòng. Họ cúng dường xong, lui về ngồi một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi vị Bồ-tát kia:

–Này thiện nam! Ông vì đến mà đến hay vì chẳng đến mà đến?

Bồ-tát Lưu Ly Quang đáp:

–Bạch Thế Tôn! Đến cũng chẳng đến, chẳng đến cũng chẳng đến. Con quan sát nghĩa này đều không có đến. Thưa Thế Tôn! Các hành nếu thường cũng chẳng đến, nếu là vô thường cũng chẳng đến. Nếu người thấy có tánh chúng sinh thì có đến, chẳng đến. Con nay chẳng thấy định tánh của chúng sinh thì sao phải nói rằng, có đến hay chẳng đến? Người có kiêu mạn thì thấy có đi, đến; người không kiêu mạn thì không đi, đến. Người có chấp hành thì thấy có đi, đến; người không chấp hành thì không đi, đến. Nếu thấy Như Lai rốt ráo Niết-bàn thì không đi, đến. Người chẳng nghe Phật tánh thì có đi, đến; người nghe Phật tánh thì không đi, đến. Nếu người thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì có đi, đến; người chẳng thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì không đi, đến. Nếu người thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, đến; nếu người chẳng thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, đến. Nếu người thấy Như Lai không thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, đến; nếu người thấy Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, đến. Thưa Thế Tôn! Xin để việc ấy lại, con có điều muốn thưa hỏi. Con nguyện xin Thế Tôn rủ lòng thương xót mà hứa cho.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ông cứ tùy ý đặt vấn đề, nay đã đúng lúc! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì chư Phật khó gặp như loài hoa Ưu-đàm. Pháp cũng như vậy, khó có thể được nghe. Trong Mười hai bộ loại kinh điển, kinh Phương Đẳng lại khó hơn. Vậy ông cần phải chuyên tâm nghe nhận.

Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang đã được Đức Phật chấp thuận và được dạy bảo, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Đại Bồ-tát có thể tu hành kinh điển Đại Niết-bàn thì nghe điều chẳng nghe?

Bấy giờ, Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay muốn hiểu tận cùng biển Đại Niết-bàn Đại Thừa như vậy mà lại gặp được chính Ta. Ta có thể giảng nói cho ông. Tên độc, lưới nghi của ông hôm nay, Ta sẽ làm đại lương y có thể khéo nhổ ra hết. Ông đối với Phật tánh còn chưa sáng tỏ thì Ta có thuốc tuệ, có thể vì ông soi sáng. Ông nay muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử, Ta có thể vì ông làm đại thuyền sư. Ông đối với ta sinh tưởng như cha mẹ, ta đối với ông cũng sinh lòng thương như con đĩ. Tâm ông hôm nay tham bấu chánh pháp mà gặp Ta có nhiều thì có thể ban cho nhau. Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Hãy suy nghĩ khéo léo! Ta sẽ vì ông phân biệt, tuyên nói, giải thích cho. Này thiện nam! Ông muốn nghe pháp thì hôm nay chính là lúc đó. Nếu nghe pháp rồi thì ông phải sinh niềm kính tin, chí tâm nghe thọ, cung kính tôn trọng. Đối với chánh pháp chớ tìm kiếm lỗi lầm, chớ nghĩ tham dục, sân giận, ngu si, chớ tìm xem dòng họ pháp sư tốt xấu. Đã nghe pháp rồi, ông chớ sinh kiêu mạn, chớ vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì pháp lợi cam lồ độ thế, cũng chớ sinh ra ý nghĩ: “Ta nghe pháp rồi thì trước tự độ thân sau đó độ người, trước tự giải thoát thân sau đó giải thoát người, trước tự an thân sau đó an người, trước tự Niết-bàn sau đó khiến cho người được Niết-bàn. Đối với Phật, Pháp, Tăng nên sinh tưởng bình đẳng. Ở trong sinh tử thì sinh tưởng về đại khổ. Đối với Đại Niết-bàn nên sinh tưởng về thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người khác sau đó vì bản thân. Phải vì Đại thừa chớ vì Nhị thừa. Đối với tất cả các pháp đừng bám víu vào pháp nào, cũng chớ chuyên chấp tất cả tướng. Ở trong các pháp chớ sinh tưởng về tham mà thường sinh tưởng về biết pháp, thấy pháp. Này thiện nam! Ông có thể chí tâm như vậy mà nghe pháp. Đó gọi là nghe điều chẳng nghe. Này thiện nam! Có điều chẳng nghe mà nghe, có điều chẳng nghe chẳng nghe, có điều nghe mà chẳng nghe, có điều nghe mà nghe. Này thiện nam! Như chẳng sinh mà sinh, chẳng sinh chẳng sinh, sinh mà chẳng sinh, sinh mà sinh. Như chẳng đến mà đến, chẳng đến chẳng đến, đến mà chẳng đến, đến mà đến.

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chẳng sinh mà sinh?

–Này thiện nam! An trụ ở thế đế, khi mới ra khỏi thai thì đó gọi là chẳng sinh mà sinh.

–Sao gọi là chẳng sinh, chẳng sinh?

–Này thiện nam! Đại Niết-bàn này không có tướng sinh. Đó gọi là chẳng sinh chẳng sinh.

–Sao gọi là sinh mà chẳng sinh?

–Này thiện nam! Theo thế đế, khi chết thì đó gọi là sinh mà chẳng sinh.

–Sao gọi là sinh sinh?

–Này thiện nam! Tất cả phàm phu thì gọi là sinh sinh. Vì sao? Vì sinh sinh chẳng gián đoạn. Tất cả hữu lậu từng niệm từng niệm sinh ra. Đó gọi là sinh sinh. Bồ-tát tứ trụ gọi sinh mà chẳng sinh. Vì sao? Vì sinh tự tại nên đó gọi sinh chẳng sinh. Này thiện nam! Đó gọi là nội pháp. Sao gọi là ngoại pháp? Chưa sinh mà sinh, chưa sinh chưa sinh, sinh mà chưa sinh, sinh sinh. Này thiện nam! Ví như hạt giống khi chưa nảy mầm, nó được bốn đại hòa hợp, công sức người gieo trồng sau đó mới mọc. Đó gọi là chưa sinh mà sinh. Sao gọi là chưa sinh chưa sinh? Ví như hạt giống hư và chưa gặp duyên. Những nhóm như vậy gọi là chưa sinh chưa sinh. Sao gọi là sinh mà chưa sinh? Như mầm đã sinh ra rồi mà chẳng tăng trưởng. Đó gọi là sinh mà chưa sinh. Sao gọi là sinh sinh? Ví như mầm cây tăng trưởng. Nếu sinh mà chẳng sinh thì không tăng trưởng. Như vậy tất cả hữu lậu gọi là ngoại pháp sinh sinh.

Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu nếu có sinh thì là thường hay là vô thường? Sinh nếu là thường thì pháp hữu lậu không có sinh. Sinh nếu vô thường thì hữu lậu là thường. Thưa Thế Tôn! Nếu sinh mà có thể tự sinh thì sinh không tự tánh. Nếu nó có thể sinh ra cái khác thì vì nhân duyên gì chẳng sinh ra hữu lậu? Thưa Thế Tôn! Nếu khi chưa sinh mà có sinh thì sao đến hôm nay mới gọi là sinh? Nếu khi chưa sinh mà không sinh thì vì sao chẳng nói hư không là sinh?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Chẳng sinh mà sinh

chẳng thể nói. Sinh mà sinh cũng chẳng thể nói. Sinh mà chẳng sinh cũng chẳng thể nói. Chẳng sinh mà chẳng sinh cũng chẳng thể nói. Sinh cũng chẳng thể nói. Chẳng sinh cũng chẳng thể nói. Có nhân duyên nên cũng có thể nói được. Sao gọi là chẳng sinh mà sinh chẳng thể nói? Chẳng sinh mà gọi là sinh thì sao có thể nói. Vì sao? Vì nó sinh. Sao gọi là sinh mà sinh chẳng thể nói? Vì sinh mà sinh nên sinh, sinh mà sinh nên chẳng sinh, cũng chẳng thể nói. Sao gọi là sinh mà chẳng sinh chẳng thể nói? Vì sinh tức là sinh, sinh chẳng tự sinh nên chẳng thể nói. Sao gọi là chẳng sinh chẳng sinh chẳng thể nói? Chẳng sinh thì gọi là Niết-bàn. Niết-bàn chẳng sinh nên chẳng thể nói. Vì sao? Vì do tu đạo mà được. Sao gọi là sinh cũng chẳng thể nói? Do sinh không có vậy. Sao gọi là chẳng sinh chẳng thể nói? Do có chứng đắc. Sao gọi là có nhân duyên nên cũng có thể nói được? Vì mười pháp nhân duyên làm tác nhân của sinh. Do nghĩa này nên cũng có thể nói được. Nay thiện nam! Ông nay chớ vào định “không” thâm diệu. Vì sao? Vì đại chúng trì độn. Nay thiện nam! Pháp hữu vi sinh cũng là thường nhưng do trụ vô thường nên sinh cũng vô thường. Trụ cũng là thường nhưng sinh mà sinh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường nhưng do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường nhưng do xưa không nay có nên hoại cũng vô thường. Nay thiện nam! Do tánh nên sinh, trụ, dị, hoại đều là thường. Nhưng từng niệm, niệm diệt nên chẳng thể nói thường. Đại Niết-bàn này có khả năng đoạn diệt nên gọi là vô thường. Nay thiện nam! Pháp hữu lậu khi chưa sinh đã có tánh sinh nên sinh có thể sinh. Pháp vô lậu vốn không có tánh sinh nên sinh chẳng thể sinh. Như lửa có bản tánh cháy, gặp duyên thì phát khởi. Mắt có tánh thấy, nhân màu sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm nên thấy. Pháp sinh của chúng sinh cũng như vậy, do vốn có tánh nên gặp nghiệp nhân duyên, cha mẹ hòa hợp thì liền có sinh.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang và tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát nghe pháp này xong, liền vọt lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, cung kính chấp tay mà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nhờ Như Lai ân cần dạy bảo và nhân Đại Niết-bàn mới được hiểu về vấn đề nghe điều chẳng nghe, cũng

khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ-tát hiểu sâu về các pháp chẳng sinh mà sinh v.v... Thưa Thế Tôn! Con nay đã hiểu, đoạn dứt các lưới nghi hoặc. Nhưng trong hội này có một Bồ-tát tên là Vô Úy lại muốn thưa hỏi, nguyện xin Thế Tôn rủ lòng hứa cho.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Úy:

–Này thiện nam! Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.

Lúc này, Bồ-tát Vô Úy cùng tám vạn bốn ngàn các vị Bồ-tát v.v... đều đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ thẳng, chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh cõi này tạo nghiệp gì mà được sinh về thế giới Bất động kia? Bồ-tát cõi ấy làm sao mà thành tựu được trí tuệ, làm bậc tôn quý trong loài người, có uy đức lớn, tu đủ các hạnh, trí sắc bén nhanh nhẹn nghe thì có thể hiểu được?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng hại mạng chúng sinh
Giữ vững các giới cấm
Hành pháp Phật vi diệu
Thì sinh nước Bất Động.
Chẳng đoạt của tha nhân
Thường bố thí tất cả
Lập tinh xá bốn phương
Thì sinh nước Bất Động.
Chẳng phạm vợ tha nhân
Chẳng phi thời với vợ
Trì giới, thí đồ nằm
Thì sinh nước Bất Động.
Chẳng vì mình hoặc người
Cầu lợi và khủng bố
Cẩn thận, đừng nói dối
Thì sinh nước Bất Động.
Chớ hủy hoại bạn lành
Xa lìa quyến thuộc ác*

Miệng nói lời hòa hợp
Thì sinh nước Bất Động.
Như các bậc Bồ-tát
Thường xa lìa ác khẩu
Nói người nghe vui lòng
Thì sinh nước Bất Động.
Lúc cười đùa cũng nên
Chẳng nói lời chẳng hợp
Cẩn thận lời lúc thường
Thì sinh nước Bất Động.
Thấy người được lợi dưỡng
Thường sinh lòng hoan hỷ
Chẳng khởi lòng ghét ghen
Thì sinh nước Bất Động.
Chẳng não hại chúng sinh
Thường sinh lòng từ ái
Chẳng nghĩ cách làm ác
Thì sinh nước Bất Động.
Tà kiến nói không thí
Cha mẹ và đi lại
Chẳng khởi kiến như trên
Thì sinh nước Bất Động.
Đường trồng làm giếng tốt
Gieo trồng rừng cây trái
Thường thí người xin ăn
Thì sinh nước Bất Động.
Đối với Phật, Pháp, Tăng
Cúng một cây hương, đèn
Cho đến hiến cành bông
Thì sinh nước Bất Động.
Nếu vì tâm lo sợ
Lợi dưỡng và phước đức
Chép một kệ kinh này

Thì sinh nước Bất Động.
 Vì cầu mong phước lợi
 Trong một ngày có thể
 Đọc tụng kinh điển này
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu vì đạo vô thượng
 Trong một ngày một đêm
 Tám giới trai giữ gìn
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng cùng ở một chỗ
 Với người phạm trọng cấm
 Chê bai kinh Phương Đẳng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu hay cho bệnh nhân
 Thậm chí một trái cây
 Hoan hỷ mà chăm sóc
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng phạm vật chúng Tăng
 Khéo giữ vật cúng Phật
 Dọn quét chỗ Phật, Tăng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Tạo tháp tượng Thế Tôn
 Dù bằng ngón tay cái
 Thường sinh lòng vui mừng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu vì kinh Niết-bàn
 Tự thân và của báu
 Cúng dường người nói pháp
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu nghe và ghi chép
 Thọ trì và đọc tụng
 Mật tạng các Thế Tôn
 Thì sinh nước Bất Động.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Úy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã biết sự tạo tác nghiệp duyên để được sinh đến nước Bất Động kia. Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương này vì thương xót tất cả chúng sinh nên trước đã thưa hỏi. Đức Như Lai nếu nói thì có thể đem lại lợi ích an lạc cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v...

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông nay ở đây phải chí tâm lắng nghe. Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Vì có nhân duyên nên chưa đến chẳng đến, có nhân duyên nên chẳng đến mà đến, có nhân duyên nên đến mà chẳng đến, có nhân duyên nên đến mà đến. Vì nhân duyên gì chưa đến chẳng đến? Nay thiện nam! Phạm chẳng đến là, Đại Niết-bàn thì phạm phu chưa đến, do có tham dục, sân giận, ngu si, vì nghiệp thân, miệng, ý chẳng thanh tịnh và vì thọ tất cả vật bất tịnh, vì phạm bốn trọng cấm, vì bài báng Phương Đẳng, vì Nhất-xiển-đề, vì năm tội nghịch, do nghĩa này nên chưa đến chẳng đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì chẳng đến mà đến? Chẳng đến là gọi Đại Niết-bàn. Vì nghĩa gì nên đến? Vĩnh viễn đoạn tham dục, sân hận, ngu si, thân, miệng ác, chẳng thọ tất cả vật bất tịnh, chẳng phạm bốn trọng cấm, chẳng bài báng kinh Phương Đẳng, chẳng làm Nhất-xiển-đề, chẳng phạm tội ngũ nghịch, do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến. Tu-đà-hoàn thì tám vạn kiếp đến, Tư-đà-hàm thì sáu vạn kiếp đến, A-na-hàm thì bốn vạn kiếp đến, A-la-hán thì hai vạn kiếp đến, Phật-bích-chi thì mười ngàn kiếp đến. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì đến mà chẳng đến? Đến là gọi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh thường bị sự che phủ của vô lượng những phiền não kiết sử, qua lại chẳng rời, giống như bánh xe quay. Đó gọi là đến. Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát đã được vĩnh viễn lìa khỏi nên gọi là chẳng đến. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên thị hiện ở trong đó nên cũng gọi là đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì nên gọi là đến mà đến? Đến tức là hai mươi lăm hữu. Do nhân duyên phiền não

của tất cả phàm phu, Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm nên gọi là đến mà đến. Nay thiện nam! Nghe điều chẳng nghe cũng như vậy, có điều chẳng nghe mà nghe, có điều chẳng nghe mà chẳng nghe, có điều nghe mà chẳng nghe, có điều nghe mà nghe. Sao gọi là chẳng nghe mà nghe? Nay thiện nam! Chẳng nghe là gọi Đại Niết-bàn. Vì sao chẳng nghe? Vì chẳng phải hữu vi, chẳng phải âm thanh, chẳng thể nói. Sao gọi là cũng nghe? Được nghe danh như là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng nghe mà nghe.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, Đại Niết-bàn là chẳng thể nghe được thì sao lại nói thường, lạc, ngã, tịnh có thể nghe được? Bạch Thế Tôn! Vì sao người đoạn phiền não thì gọi là đắc Niết-bàn, nếu chưa đoạn thì gọi là chẳng đắc? Do nghĩa này nên tánh của Niết-bàn trước không nay có. Nếu pháp thế gian trước không nay có thì gọi là vô thường, ví như cái bình v.v... trước không nay có, đã có rồi trở lại không nên gọi là vô thường. Niết-bàn nếu vậy thì sao nói rằng, thường, lạc, ngã, tịnh? Lại nữa, bạch Thế Tôn! Phàm cái gì do trang nghiêm mà thành thì đều gọi là vô thường. Niết-bàn nếu vậy thì đáng lẽ là vô thường. Những gì là nhân duyên? Đó là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Sáu pháp Ba-la-mật, Bốn tâm vô lượng, quán đến tướng xương, hơi thở ra vào, sáu niệm xứ, phá gãy sáu đại v.v... Những pháp như vậy đều là nhân duyên thành tựu Niết-bàn nên gọi là vô thường. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Có gọi là vô thường, nếu Niết-bàn là có nên cũng vô thường. Như Đức Phật, trước ở trong kinh A-hàm nói rằng, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn đều có Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi là vô thường. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Pháp có thể thấy gọi là vô thường. Như Đức Phật trước đã nói, thấy Niết-bàn thì đoạn trừ được tất cả phiền não. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như hư không đối với các chúng sinh đều không ngăn ngại nên gọi là vô thường. Giả sử Niết-bàn là thường thì vì sao chúng sinh có người được, có người chẳng được? Niết-bàn nếu vậy, đối với các chúng sinh chẳng bình đẳng thì chẳng gọi là thường. Thưa Thế Tôn! Ví như một trăm người có chung một oán thù. Nếu hại được kẻ oán

thù này thì nhiều người được vui. Giả sử Niết-bàn là pháp bình đẳng thì khi một người được nên có nhiều người được, một người đoạn kiết phiền não nên có nhiều người cũng đoạn trừ. Nếu chẳng như vậy thì làm sao gọi là thường. Ví như có người cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen quốc vương, vương tử, cha mẹ, sư trưởng thì được lợi dưỡng. Đó chẳng gọi là thường. Niết-bàn cũng vậy, chẳng gọi là thường. Vì sao? Vì như lúc trước Đức Phật ở trong kinh A-hàm, bảo Tôn giả A-nan rằng, nếu có người cung kính Niết-bàn thì được đoạn trừ kiết sử, thọ vô lượng an lạc. Do nghĩa này nên chẳng gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu trong Niết-bàn có tên thường, lạc, ngã, tịnh thì chẳng gọi là thường. Như nó không có thì sao có thể nói?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Thể của Niết-bàn chẳng phải vốn không mà nay có. Nếu thể của Niết-bàn vốn không mà nay có thì chẳng phải là pháp vô lậu thường trụ. Có Phật, không Phật tánh tướng thường trụ nhưng vì các chúng sinh bị phiền não che phủ nên chẳng thấy Niết-bàn liền cho là không có. Đại Bồ-tát dùng giới, định, tuệ huân tập tu sửa tâm mình, đoạn trừ phiền não rồi sẽ được thấy Niết-bàn. Ông phải biết rằng, Niết-bàn là pháp thường trụ, chẳng phải vốn không mà nay có. Vậy nên Niết-bàn là thường. Này thiện nam! Ví như trong ngôi nhà tối có cái giếng chứa đủ bảy báu mà ai cũng biết nhưng vì tối nên chẳng thấy. Có người trí giỏi biết phương tiện, thắp đèn sáng lớn, đem đến soi sáng, thấy được hết những báu đó. Người trí ấy đối với sự việc này chẳng bao giờ nghĩ là nước và bảy báu trước không nay có. Niết-bàn cũng vậy, vốn tự đã có, chẳng phải hôm nay mới có. Vì phiền não tối tăm nên chúng sinh chẳng thấy, Đức Như Lai đại trí, dùng phương tiện khéo léo thắp đèn trí tuệ, khiến cho các Bồ-tát được thấy Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên kẻ trí đối với Niết-bàn này chẳng nên nói rằng, vốn không mà nay có. Này thiện nam! Ông nói rằng, do trang nghiêm mà được thành Niết-bàn nên lẽ ra là vô thường thì điều đó cũng chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Thể của Niết-bàn chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải do tác nghiệp sinh, chẳng phải là pháp

hữu lậu, hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng riêng khác, cũng chẳng phải tướng đồng, chẳng phải trụ, chẳng phải qua, chẳng phải lại; chẳng phải quá khứ, hiện tại và vị lai; chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải nhọn, chẳng phải tà, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã và ngã sở. Do nghĩa này nên Niết-bàn là thường hằng chẳng biến đổi. Đó là do vô lượng vô số kiếp tu tập pháp thiện để tự trang nghiêm, rồi sau đó mới thấy. Đây thiện nam! Ví như trong lòng đất có nước tám vị mà tất cả chúng sinh chẳng thể thấy được. Có người trí thi công đào xuyên qua thì liền được nước đó. Niết-bàn cũng vậy. Ví như người mù chẳng thấy mặt trời, mặt trăng, được lương y trị liệu cho thì liền được thấy, mà mặt trời, mặt trăng này chẳng phải là vốn không mà nay có. Niết-bàn cũng vậy, trước đã tự có rồi, chẳng phải vừa mới có hôm nay. Đây thiện nam! Ví như người có tội bị giam giữ lâu trong ngục mới được ra, trở về nhà được thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, Niết-bàn cũng vậy. Đây thiện nam! Ông nói rằng, vì là nhân duyên nên pháp Niết-bàn phải là vô thường, điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Đây thiện nam! Vì nhân có năm thứ. Những gì là năm? Một là sinh nhân, hai là hòa hợp nhân, ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là nhân xa. Sao gọi là sinh nhân? Sinh nhân tức là nghiệp phiền não v.v... như bên ngoài là hạt giống cỏ cây... Đó gọi là sinh nhân. Sao gọi là hòa hợp nhân? Như cái thiện cùng tâm thiện hòa hợp, cái chẳng thiện cùng với tâm chẳng thiện hòa hợp, cái vô ký cùng với tâm vô ký hòa hợp. Đó gọi là nhân hòa hợp. Sao gọi là trụ nhân? Như bên dưới có trụ chống thì nhà chẳng sập; núi, sông, cây cối nhờ đất đai mà được đứng vững. Bên trong có bốn đại, vô lượng phiền não nên chúng sinh được trụ. Đó gọi là trụ nhân. Sao gọi là tăng trưởng nhân? Nhân duyên quần áo, ăn uống v.v... nên khiến cho chúng sinh tăng trưởng. Như bên ngoài, hạt giống chẳng bị lửa đốt cháy, chẳng bị chim ăn mất thì nó được tăng trưởng. Như các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nương vào nhân Hòa thượng, thiện tri thức

v.v... mà được tăng trưởng. Như nhân cha mẹ thì con được tăng trưởng. Đó gọi là nhân tăng trưởng. Sao gọi là nhân xa? Ví như nhân thân chú mà quý chẳng thể hại được, độc chẳng thể trúng được. Nương tựa quốc vương thì không có đạo tặc. Như mầm cây nương nhờ đất, nước, gió, lửa v.v... Như nước sữa cùng người khuấy là nhân xa của kem sữa. Như ánh sáng cảnh sắc v.v... là nhân xa của nhận thức. Tinh huyết cha mẹ là nhân xa của chúng sinh. Như thời tiết v.v... đều gọi là nhân xa. Nay thiện nam! Thể của Niết-bàn chẳng phải là sự tạo thành của năm thứ nhân như vậy thì sao phải nói rằng, đó là nhân vô thường? Lại nữa, nay thiện nam! Lại có hai thứ nhân, một là tác nhân, hai là liễu nhân. Như bánh xe, sợi dây của người thợ gốm thì đó gọi là tác nhân. Như đèn đuốc v.v... chiếu soi vật trong tối thì đó gọi là liễu nhân. Nay thiện nam! Đại Niết-bàn thì chẳng từ tác nhân mà có, chỉ từ liễu nhân thôi. Liễu nhân đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật. Đó gọi là liễu nhân. Nay thiện nam! Bồ thí là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Thí Ba-la-mật mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Vô lượng vô biên vô số kiếp tu hành pháp Bồ-đề thì mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ thí thế nào chẳng được gọi là Thí Ba-la-mật? Bồ thí thế nào được gọi là Thí Ba-la-mật? Cho đến Bát nhã thế nào chẳng được gọi là Bát nhã Ba-la-mật? Bát nhã thế nào được gọi là Bát nhã Ba-la-mật? Thế nào gọi là Niết-bàn? Thế nào gọi là Đại Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn Phương Đẳng thì chẳng nghe bồ thí, chẳng thấy bồ thí, chẳng nghe Thí Ba-la-mật, chẳng thấy Thí Ba-la-mật cho đến chẳng nghe Bát nhã, chẳng thấy Bát nhã, chẳng nghe Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nghe Niết-bàn, chẳng thấy Niết-bàn, chẳng nghe Đại Niết-bàn, chẳng

thấy Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn thì thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng rỗng không, không sở hữu, không có tướng hiểu biết hòa hợp, được tướng vô lậu, tướng không sở tác, tướng như huyễn hóa, tướng bóng nước khi nắng nóng, tướng rỗng không của thành Càn-thát-bà. Bấy giờ, được những tướng như vậy Bồ-tát không tham, sân, si, chẳng nghe, chẳng thấy. Đó gọi là tướng chân thật của Bồ-tát. An trụ thật tướng, Đại Bồ-tát tự biết đây là Thí, đây là Thí Ba-la-mật cho đến đây là Bát nhã, đây là Bát nhã Ba-la-mật, đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Thế nào là Thí chẳng phải là Ba-la-mật? Thấy có người xin, sau đó mới cho thì đó gọi là Thí, chẳng phải là Ba-la-mật. Nếu không có người xin mà mở lòng tự thí thì đó gọi là Thí Ba-la-mật. Nếu thí từng lúc từng lúc thì đó gọi là Thí chẳng phải là Ba-la-mật. Nếu tu thí luôn luôn thì gọi là Thí Ba-la-mật. Nếu thí cho người rồi trở lại sinh lòng hối thì gọi là Thí, chẳng phải là Ba-la-mật. Thí rồi chẳng hối thì đó gọi là Thí Ba-la-mật. Đại Bồ-tát đối với của cải sinh ra bốn tâm lo sợ là vua, giặc, nước, lửa mà hoan hỷ thí cho thì đó gọi là Thí Ba-la-mật, còn nếu hy vọng quả báo mà bố thí thì gọi là Thí, chẳng phải là Ba-la-mật. Bố thí chẳng mong báo đáp thì gọi là Thí Ba-la-mật. Nếu bố thí vì sợ hãi, vì danh tiếng, vì lợi dưỡng, vì tiếp nối phép nhà, vì năm dục trên trời, vì kiêu mạn, vì thắng mạn, vì quen biết, vì quả báo đời sau thì như phép trao đổi ở chợ. Này thiện nam! Như người trồng cây vì được bóng mát, vì được hoa trái và cây gỗ, nếu người tu hành thí như vậy v.v... thì gọi là Thí chẳng phải là Ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn thế này: chẳng thấy người thí, người nhận và của bố thí, chẳng thấy thời tiết, chẳng thấy ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, chẳng thấy nhân, chẳng thấy duyên, chẳng thấy quả báo, chẳng thấy người làm, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy nhiều, chẳng thấy ít, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy bất tịnh, chẳng khinh người nhận tài vật của mình, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy người chẳng thấy, chẳng chấp mình, người mà chỉ vì pháp thường trụ của Đại Niết-bàn Phương Đẳng nên tu hành bố thí, vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh mà làm việc bố thí, vì đoạn

trừ phiền não cho tất cả chúng sinh nên làm bố thí, vì các chúng sinh chẳng thấy người nhận, người cho tài vật cho nên làm bố thí. Đây thiện nam! Ví như có người rơi xuống biển cả bám lấy cây chết mà được thoát chết. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn khi làm bố thí cũng như vậy, như tử thi kia. Đây thiện nam! Ví như có người bị giam ở tại ngục sâu, cửa nẻo chắc chắn, chỉ có lỗ nhà xí, liền từ trong đó thoát ra, đến chỗ tự do. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn khi làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như người cao quý bị khùng bố nguy cấp lại không chớ nhờ cậy, nương nhờ Chiên-đà-la. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như người bệnh vì trừ khỏi bệnh khổ nên ăn uống bất tịnh. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Như Bà-la-môn gặp lúc lương thực khan hiếm, vì thọ mạng nên ăn thịt chó. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Trong Đại Niết-bàn, những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng nghe mà nghe. Trì giới, Trì giới Ba-la-mật cho đến Bát nhã, Bát nhã Ba-la-mật... như Phật đã rộng nói trong kinh Tạp Hoa.

Này thiện nam! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn chẳng nghe mà nghe? Mười hai bộ loại kinh điển, ý nghĩa thâm diệu, từ xưa đến giờ chẳng nghe, nay nhân kinh này được nghe đầy đủ. Trước tuy được nghe nhưng chỉ nghe danh tự, nay ở kinh Đại Niết-bàn này mới được nghe nghĩa. Thanh văn, Duyên giác chỉ nghe danh tự mười hai bộ loại kinh điển mà chẳng nghe được nghĩa của kinh ấy thì nay nhân kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là chẳng nghe mà nghe. Đây thiện nam! Trong tất cả kinh của Thanh văn, Duyên giác, chẳng từng nghe Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rốt ráo nhập diệt, Tam bảo, Phật tánh không có tướng sai biệt, phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Hôm nay ở kinh này được nghe những điều đó. Đó gọi là chẳng nghe mà nghe.

□